UBND TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /ĐA-CĐCĐ

Kon Tum, ngày 08 tháng 6 năm 2023

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2023
trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1. Tên trường: **Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum**

2. Mã trường: **C36**

3. Địa chỉ các trụ sở

- Trụ sở chính: Số 14 Ngụy Như Kon Tum, Tổ 3, Phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;

- Cơ sở Khoa Kinh tế - Nông Lâm và Khu thực nghiệm: Tổ 10, Phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Cơ sở Khoa Y - Dược: Số 347 Bà Triệu, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;

- Cơ sở Khoa Kỹ thuật - Công nghệ và các Trung tâm: Trương Vĩnh Ký, Tổ 2, Phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

4. Địa chỉ trang thông tin địa tử của Trường: https://ktcc.edu.vn, website tuyển sinh: https://tuyensinh/ktcc.edu.vn

5. Địa chỉ trang mạng xã hội của Trường: https://www.facebook.com/ktcc.edu.vn

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0846.864929

7. Tình hình việc là của sinh viên sau tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường: https://ktcc.edu.vn/bao-cao-ket-qua-khao-sat/ket-qua-khao-sat/

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Cao đẳng	22	22	42	80%
Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	22	22	42	80%
Tổng		**22**	**22**	**42**	

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường: https://tuyensinh.ktcc.edu.vn/

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	- Ngành Giáo dục Mầm non - Tổ hợp xét tuyển: M04: *Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu;* M05: *Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu;*	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	135	135		22	22	
		Điểm thi TN THPT	*70*	*70*	*18.94*	*11*	*11*	*21.88*
		Phương thức khác	*65*	*65*	*20.73*	*11*	*11*	*24.68*

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	M06: *Ngữ văn, Toán, Năng khiếu;* M07: *Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu*							
	Tổng:		**135**	**135**		**22**	**22**	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường:

https://ktcc.edu.vn/ba-cong-khai/dao-tao/quyet-dinh-cho-phep-mo-nganh-dao-tao-trinh-do-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non-4.html

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
1.	Giáo dục Mầm non	51140201	81/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	03/01/2004	694/QĐ-BGDĐT	18/02/2010	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2004	2021

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng, *chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.*

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://ktcc.edu.vn/ba-cong-khai/dao-tao/dieu-kien-dam-bao-chat-luong-dao-tao-trinh-do-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non-nam-2023-21.html

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://tuyensinh.ktcc.edu.vn

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://tuyensinh.ktcc.edu.vn/vi/news/thong-tin-tuyen-sinh/quyet-dinh-ban-hanh-quy-che-tuyen-sinh-trinh-do-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non-nam-2023-203.html

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://tuyensinh.ktcc.edu.vn/

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://tuyensinh.ktcc.edu.vn/

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại Tốt.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Thí sinh đã đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (Dự kiến): Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển[1] 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
1.	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	11	M04	Không	M05	Không	M06	Không	M07	Không
				406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	11	M04	Không	M05	Không	M06	Không	M07	Không
Tổng cộng:						**22**								

1.5. Ngưỡng đầu vào: Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

[1] Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: Tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: Mã trường, mã ngành/nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

Mã trường: **C36**

Mã ngành: **51140201**

Tên ngành: Giáo dục Mầm non

Mã phương thức:

405: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

406: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

Tổ hợp xét tuyển:

M04: Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát)

M05: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát)

M06: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát)

M07: Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát)

Ghi chú:

** Không tính chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển.*

** Kết quả thi môn năng khiếu đạt từ 4,00 điểm trở lên (thang điểm 10 và chưa nhân hệ số).*

** Chỉ xét tuyển những thí sinh nộp đăng ký xét tuyển vào trường với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đúng quy định.*

** Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại Tốt.*

** Thí sinh đã đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum.*

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian:

+ Thi năng khiếu đợt 1: Từ ngày 12/7 đến ngày 14/7/2023.

+ Các đợt thi bổ sung (nếu có): Nhà trường thông báo trên website: https://ktcc.edu.vn hoặc https://tuyensinh.ktcc.edu.vn

+ Xét tuyển đợt 1: Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức: Thi tuyển kết hợp xét tuyển.

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển:

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại Tốt.

+ Thí sinh đã đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

+ Đạt các điều kiện theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

+ Đối với phương thức xét điểm học bạ: Học lực lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên và xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại Tốt.

- Các điều kiện xét tuyển/thi tuyển: Xét tuyển tổ hợp 2 môn văn hoá THPT theo quy định + Điểm thi môn năng khiếu (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát) hệ số 2.

1.8. Chính sách ưu tiên:

- Xét tuyển thẳng: Không.

- Ưu tiên xét tuyển: Chính sách cộng điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng áp dụng theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển.

- Phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Phí thi tuyển môn Năng khiếu (Đọc, Kể diễn cảm, Hát): 300.000 đ/thí sinh.

* Tài khoản và cú pháp nộp phí thi môn năng khiếu:

- Tên Tài khoản: Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum

- Số Tài khoản: 5100201012793

- Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum.

- Cú pháp nộp: NKGDMN2023 – Họ và tên – Phí thi tuyển môn Năng khiếu

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Đợt 1: Tuyển sinh theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các đợt bổ sung (nếu có) nhà trường sẽ thông báo trên website Trường: https://ktcc.edu.vn hoặc https://tuyensinh.ktcc.edu.vn và Fanpage facebook: https://www.facebook.com/ktcc.edu.vn

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Nhà trường cam kết thực hiện đúng quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): Không.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên: Không.

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm, *chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.*

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://tuyensinh.ktcc.edu.vn

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa: Không.

Nơi nhận:
- Vụ Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

Lê Trí Khải

Phụ lục I
CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 *(Người học)*

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	**SAU ĐẠI HỌC**		
1	**Tiến sĩ**		
2	**Thạc sĩ**		
B	**ĐẠI HỌC**		
3	**Đại học chính quy**		
3.1	Chính quy		
3.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
3.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
3.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4	**Đại học vừa làm vừa học**		
4.1	Vừa làm vừa học		
4.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
4.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
4.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
5	**Từ xa**		
C	**CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**		
6	**Cao đẳng chính quy**	**51140201**	**247**
6.1	*Chính quy*	*51140201*	*247*
6.2	Đối tượng *từ trung cấp lên cao đẳng*		
6.3	*Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng*		

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
7	**Cao đẳng vừa làm vừa học**	**51140201**	
7.1	**Vừa làm vừa học**	*51140201*	
7.2	***Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng***		
7.3	***Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng***		

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 29.4 ha

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 600 chỗ.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 34.3 m^2/sinh viên.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	96	5.458
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1.648
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	120
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	9	470
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	33	1.275
1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	120
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	50	1.825
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	2	300
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	5	3.498
	Tổng:	**103**	**9.256**

2.2. Các thông tin khác: Không.

1.4. Danh sách giảng viên toàn thời gian

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1.	Nguyễn Thị Nhật Kim		Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
2.	Trần Đình Lưu		Thạc sĩ	Tin học	Giáo dục Mầm non	
3.	Lương Ly Lan		Đại học	Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
4.	Nghiêm Thị Thu Hoài		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
5.	Huỳnh Công Sơn		Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
6.	Lê Việt Anh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
7.	Võ Đại Nam Anh		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
8.	Nguyễn Thị Cúc		Thạc sĩ	Tâm lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
9.	Nguyễn Thành Nhân		Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
10.	Trần Thị Phượng		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
11.	Giã Tấn Việt		Thạc sĩ	Anh văn	Giáo dục Mầm non	
12.	Nguyễn Thị Bích Hạnh		Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học	Giáo dục Mầm non	
13.	Nguyễn Ngọc Vĩnh		Đại học	Triết học	Giáo dục Mầm non	
14.	Hoàng Xuân Lĩnh		Thạc sĩ	Giáo dục chính trị	Giáo dục Mầm non	
15.	Nguyễn Hữu Hà		Thạc sĩ	Sư phạm Địa lý	Giáo dục Mầm non	
16.	Nguyễn Văn Lễ		Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo dục Mầm non	

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
17.	Hoàng Văn Vỹ		Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
18.	Trần Thị Ngọc Hà		Thạc sĩ	Tin học	Giáo dục Mầm non	
19.	Nguyễn Thị Nhâm		Thạc sĩ	Giáo dục chính trị	Giáo dục Mầm non	
20.	Vũ Thị Hằng Nga		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
21.	Đào Thuý Hồng Liên		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	
22.	Nguyễn Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
23.	Bùi Thị Thảo Nguyên		Thạc sĩ	Giáo dục chính trị	Giáo dục Mầm non	
24.	Trần Cao Điệp		Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
25.	Trần Thị Hưởng		Thạc sĩ	Giáo dục chính trị	Giáo dục Mầm non	
26.	Nguyễn Hồng Phong		Thạc sĩ	Sư phạm Toán học	Giáo dục Mầm non	
27.	Nguyễn Trần Kim Tuyến		Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học	Giáo dục Mầm non	
28.	Nguyễn Thị Anh Đài		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
29.	Nguyễn Thị Châu		Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
30.	Phạm Nguyễn		Thạc sĩ	Giáo dục chính trị	Giáo dục Mầm non	
31.	Đặng Thị Thanh Sương		Thạc sĩ	Sư phạm Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
32.	Trương Thị Thạnh		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
33.	Lê Thị Ngọc		Thạc sĩ	Sư phạm ngữ văn	Giáo dục Mầm non	

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
34.	Trần Anh Nam		Thạc sĩ	Tin học	Giáo dục Mầm non	
35.	Thạch Thị Hải Huyền		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
36.	Hoàng Văn Chi		Thạc sĩ	Tâm lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
37.	Võ Thị Thảo		Thạc sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
38.	Phạm Thị Mai Hiền		Thạc sĩ	Vật lý	Giáo dục Mầm non	
39.	Ngô Thị Phương Dung		Thạc sĩ	Tin học	Giáo dục Mầm non	
40.	Nguyễn Văn Phúc		Thạc sĩ	Sư phạm Địa lý	Giáo dục Mầm non	
41.	Vũ Thị Thảo		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
42.	Huỳnh Hà Tố Uyên		Thạc sĩ	Giáo dục chính trị	Giáo dục Mầm non	
43.	Nguyễn Văn Nam		Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học	Giáo dục Mầm non	
44.	Nguyễn Thị Thu Hoài		Thạc sĩ	Anh văn	Giáo dục Mầm non	
45.	Tô Thành Công		Đại học	Toán học	Giáo dục Mầm non	
46.	Đặng Ngọc Lợi		Thạc sĩ	Vật lý	Giáo dục Mầm non	
47.	Nguyễn Bình Dân		Thạc sĩ	Sư phạm ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
48.	Nguyễn Thị Lành		Thạc sĩ	Tin học	Giáo dục Mầm non	
49.	Phan Công Phương		Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
50.	Đinh Văn Tính		Đại học	Hội hoạ	Giáo dục Mầm non	

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
51.	Hoàng Kim Lân		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo dục Mầm non	
52.	Đặng Thị Thúy		Đại học	Hóa học	Giáo dục Mầm non	
53.	Mai Quốc Toản		Thạc sĩ	Sư phạm Toán học	Giáo dục Mầm non	
54.	Nguyễn Hữu Tuấn		Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học	Giáo dục Mầm non	
55.	Trương Thị Minh Nguyệt		Thạc sĩ	Sư phạm Lịch sử	Giáo dục Mầm non	
56.	Lưu Thị Thuý Hiền		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
57.	Trần Thị Hằng		Đại học	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
58.	Nguyễn Văn Hào		Thạc sĩ	Tin học	Giáo dục Mầm non	
59.	Trương Thị Hiếu		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
60.	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Đại học	Sư phạm ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
61.	Hồ Thị Mai Lan		Thạc sĩ	Anh văn	Giáo dục Mầm non	
62.	Võ Mạnh Tuấn		Thạc sĩ	Công tác xã hội	Giáo dục Mầm non	
63.	Lê Thị Hoàng Lan		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
64.	Trần Hồng Đỉnh		Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học	Giáo dục Mầm non	
65.	Dương Văn Anh Dũng		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
66.	Nguyễn Túc		Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
67.	Lê Thị Hoan		Thạc sĩ	Giáo dục chính trị	Giáo dục Mầm non	
68.	Nguyễn Thị Anh Hiếu		Thạc sĩ	Giáo dục chính trị	Giáo dục Mầm non	

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
69.	Nguyễn Thị Hồng Chuyên		Thạc sĩ	Công tác xã hội và phát triển cộng đồng	Giáo dục Mầm non	
70.	Nguyễn Thị Hương		Thạc sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
71.	Lê Thị Thanh Hoà		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
72.	Nguyễn Thị Hạnh		Đại học	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
73.	Nguyễn Thị Hoài Thu		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
74.	Trần Tuấn Lượng		Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
75.	Lê Thuỳ Ánh Tiết		Thạc sĩ	Sư phạm ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
76.	Trần Kim Trọng Nghĩa		Thạc sĩ	Sư phạm Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
77.	Nguyễn Thị Lan Phương		Thạc sĩ	Anh văn	Giáo dục Mầm non	
78.	Trương Thị Ngọc Thanh		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
79.	Lê Văn Bổn		Tiến sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
80.	Huỳnh Thị Kim Hậu		Đại học	Vật lý	Giáo dục Mầm non	
	Tổng số giảng viên toàn trường: 80 giảng viên, trong đó: 1 Tiến sĩ, 59 Thạc sĩ, 20 Đại học.					

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non: Không.

Phụ lục II
THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2023
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển thí sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1.	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	75	461/QĐ-KĐCLV	05/5/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non	

1.5. Ngưỡng đầu vào: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

Mã trường: **C36**

Mã ngành: **51140201**

Tên ngành: Giáo dục Mầm non

Mã phương thức:

406: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

Tổ hợp xét tuyển:

M04: Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát)

M05: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát)

M06: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát)

M07: Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát)

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

+ Thi năng khiếu đợt 1 (dự kiến): Tháng 10/2023.

+ Các đợt thi bổ sung (nếu có): Nhà trường thông báo trên website: https://ktcc.edu.vn hoặc https://tuyensinh.ktcc.edu.vn

- Hình thức: Thi tuyển kết hợp xét tuyển.

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển:

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Các điều kiện xét tuyển/thi tuyển: Xét tuyển tổ hợp 2 môn văn hoá THPT theo quy định + Điểm thi môn năng khiếu (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát) hệ số 2.

1.8. Chính sách ưu tiên: Chính sách cộng điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng áp dụng theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

- Phí xét tuyển: 30.000đ/thí sinh.

- Phí thi tuyển môn Năng khiếu (Đọc, Kể diễn cảm, Hát): 300.000đ/thí sinh.

* Tài khoản và cú pháp nộp lệ phí thi và xét tuyển:

- Tên Tài khoản: Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum.

- Số Tài khoản: 5100201012793

- Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum.

- Cú pháp nộp lệ phí: NKGDMNVLVH2023 – Họ và tên – Lệ phí xét tuyển, thi tuyển môn Năng khiếu

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

- Đợt 1: Nhận hồ sơ đến ngày 30/9/2023.

- Các đợt bổ sung (nếu có) nhà trường sẽ thông báo trên website Trường: https://ktcc.edu.vn hoặc https://tuyensinh.ktcc.edu.vn và Fanpage facebook: https://www.facebook.com/ktcc.edu.vn

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Nhà trường cam kết thực hiện đúng quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.